

VÀI NHẬN XÉT VỀ BẢN PHIÊN ÂM VÀ BẢN DỊCH THƠ

MỘT SỐ TÁC PHẨM TRONG CHƯƠNG TRÌNH *NGŨ VĂN 10*

VÕ THỊ NGỌC HOA
(ThS, Đại học Phú Yên)

1. *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), *Cảm hoài* (Đặng Dung) và *Cáo tật thị chúng* (Mãn Giác Thiền sư), những tác phẩm thơ chữ Hán nằm trong mảng văn học trung đại Việt Nam, được chọn dạy ở chương trình Ngữ văn 10. Đối với các bài thơ này, để đến được với độc giả hiện nay, phải thông qua các bước phiên dịch, từ phiên âm, dịch nghĩa đến dịch thơ, nhằm xóa đi quãng cách giữa tác giả và người đọc, làm cho người đọc có thể tiếp xúc với bản dịch như tiếp xúc với đúng tinh thần của văn bản gốc. Nên yêu cầu phiên dịch là phải chính xác từ phần phiên âm, dịch nghĩa cho đến dịch thơ và chú giải.

Khi đọc ba tác phẩm nêu trên trong một số ấn phẩm, chúng tôi thấy có trường hợp cùng một bài thơ chữ Hán nhưng mỗi sách lại in bản phiên âm và bản dịch thơ không hoàn toàn giống nhau. Từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành đối chiếu giữa bản phiên âm các bài *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), *Cảm hoài* (Đặng Dung) và *Cáo tật thị chúng* (Mãn Giác) trong *Ngũ văn 10* (nâng cao), tập 1 với nguyên tác chữ Hán, so sánh bản dịch thơ được chọn in trong sách giáo khoa với nguồn trích, nhằm để người dạy, người học cũng như đối tượng độc giả khác có thể chọn được văn bản có độ chính xác cao, tránh trường hợp phân vân, không biết bản phiên âm, bản dịch thơ nào đáng tin cậy. Và thiết nghĩ, việc đối chiếu bản phiên âm, dịch thơ được in ở sách giáo khoa, các ấn phẩm khác, góp phần nhỏ vào công tác chỉnh lí văn bản, việc làm

này cũng không ngoài mục đích để độc giả tiếp nhận đúng giá trị xác thực của tác phẩm.

Đối với thơ chữ Hán, nhờ có bản phiên âm, bản dịch thơ mà độc giả, mặc dù không biết chữ Hán nhưng vẫn có thể cảm thụ sâu sắc nội dung, tư tưởng, nghệ thuật của nguyên tác, đồng thời thấy được sự thành công, sáng tạo của người dịch qua từng bản dịch. Phiên dịch thơ văn chữ Hán chính là thao tác giải mã nội dung của tác phẩm. Vậy mà phần phiên âm cũng có những dị bản. Điều này dễ làm cho độc giả phân vân, không biết bản phiên âm nào chính xác.

Dựa theo tuần tự sắp xếp trong sách *Ngũ văn 10* (nâng cao), tập 1, *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão là tác phẩm được khảo cứu đầu tiên ở bài viết này. Ngoài việc đối chiếu bản dịch thơ được in trong *Ngũ văn 10* (nâng cao), tập 1 với nguồn trích, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - thế kỉ XVII*, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội, 1976; *Văn học trung đại Việt Nam, tập 1*, NXB ĐHSP, 2005 (giáo trình CĐSP Ngữ văn); *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*, Đinh Gia Khánh, NXB Giáo dục, 2000; *Thơ văn Lý Trần, tập 2*, UBKHXH & NV - Viện Văn học, NXB KHXH, 1989. Còn so sánh bản phiên âm có ở các ấn phẩm trên với nguyên tác (trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, kí hiệu A. 3162/1, tờ 3a).

2. Qua đối chiếu chúng tôi thấy ngay câu đầu trong bản phiên âm giữa các sách kể trên, có đôi chỗ khác nhau. Một là, từ thứ 2, sách

Ngữ văn 10 (nâng cao), tập 1; giáo trình *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 và *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, in "sóc", tập *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* in "sáo". Hai là, từ thứ 5 hiện diện ở câu này trong bốn ấn phẩm: *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*; *Thơ văn Lý Trần*, tập 2: "cáp". Riêng sách *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, in "kháp". Câu này chép trong nguyên tác (trích *Hoàng Việt thi tuyển*, *Triều Trần*, tờ 3a, kí hiệu A. 3162/1): "橫 槩江山幾秋 - Hoàng sóc giang sơn kháp kỉ thu".

Sự khác nhau của hai trường hợp trên không làm thay đổi nội dung ý nghĩa của câu thơ. Vì trong *Hán Việt tự điển*, *Thiều Chửu*: "sóc 槩" - cây giáo dài, ta quen đọc là "sáo", và "sáo" - cũng có nghĩa như tự sóc 槩".

Từ "恰 kháp", có nghĩa "vừa vặn" (*Hán Việt tự điển*, *Thiều Chửu*); "vừa vặn, vừa đúng" (*Từ điển Hán Việt*, Nguyễn Văn Chánh) và "kháp", cũng có âm đọc là "cáp" có nghĩa "đúng đắn, vừa xúng" (*Từ điển Hán Việt*, Đào Duy Anh). Vì vậy, trong sách giáo khoa cũng như giáo trình nên có phần chú thích: "sóc" cũng đọc là "sáo"; "cáp" cũng có âm đọc là "kháp" để người đọc không gặp tình trạng phân vân từ đúng ở câu này là "sóc" hay "sáo"; "cáp" hay "kháp".

Về bản dịch thơ, câu thứ nhất, *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1 in: "Múa giáo non sông trải mấy thu". Ở *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 "Múa giáo non sông trải mấy thâu". Tuy xét về mặt ngữ âm thì "thâu" là trường hợp biến thể ngữ âm của từ "thu", nên ý tứ trong câu thơ không hề thay đổi, nhưng sách giáo khoa như vậy cũng đã lệch so với nguồn trích.

Mặc dù câu thứ 2 không có dị bản phiên âm nhưng sự giải mã câu này của các dịch giả

có khác nhau. Nguyên do xuất phát từ "牛 ngưu" nằm cuối câu 2 (三軍貔虎氣吞牛 - Tam quân tì hổ khí thôn ngưu) trong văn bản chữ Hán. Chiếu theo *Hán Việt tự điển*, *Thiều Chửu*, "牛 ngưu" có hai nghĩa "con trâu, sao Ngưu"; *Từ điển Hán Việt*, Nguyễn Văn Chánh, từ này có nghĩa "trâu bò, sao Ngưu" và ở *Từ điển Hán Việt*, Đào Duy Anh, "ngưu: con bò (ta nhận lầm chữ 牛 là con trâu), sao Ngưu", nên "吞 牛 thôn ngưu" làm cho người tiếp nhận nguyên tác hoặc bản phiên âm đều có thể hiểu là "át sao Ngưu" hoặc "nuốt trâu". Chính vì vậy, ngoài việc giới thiệu bản dịch thơ, một số ấn phẩm còn có cả phần chú thích. Các nhà biên soạn sách cần thận đưa phần này vào để lý giải vì sao họ chọn bản dịch thơ của người này mà không chọn bản dịch của người khác. Cụ thể, trong tập *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, chọn in bản dịch thơ của *Trần Trọng Kim* (câu thứ hai của bài được dịch: "Ba quân hùng khí át sao ngưu"), kèm phần chú thích (tr. 563): "Sao ngưu: sao ngưu đầu ở phương Bắc. Câu thơ trên đây trước nay có hai cách hiểu. Cách hiểu truyền thống như lời dịch trên, nhưng cũng có một cách hiểu gần đây cho rằng "thôn ngôn" là điển cố rút ra từ một bài thơ của Đỗ Phủ 杜甫, muốn ví ba quân với sức mạnh của loài hổ báo nuốt trôi trâu. Thật ra, mô - típ "khí nuốt sao ngưu" đã có từ trước Đỗ Phủ rất lâu, chẳng hạn trong bài phú của Hàn Tín 韓信. Vì vậy, chúng tôi vẫn thiên về cách hiểu thứ nhất. Và trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, chọn in bản dịch thơ của Bùi Văn Nguyên (câu thứ hai được dịch: Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu), cũng chưa thêm lời chú thích (tr. 147): Thôn ngưu: lâu nay nhiều người nhận nghĩa chữ "ngưu" đây là sao Ngưu. Nhưng sách *Từ nguyên* chú thích hai chữ "thôn ngưu" có dẫn câu trong

Thi tử: "Giống hồ báo nhỏ tuy chưa thành văn, đã có sức nuốt được cả trâu". Thơ Đỗ Phủ có câu: "Tiểu nhi ngũ tuế khí thôn ngư" (trẻ con mới năm tuổi đã có khí mạnh có thể nuốt trâu). Bởi vậy chữ "thôn ngư" ở bài này cũng có nghĩa là nuốt trâu (Ba quân mạnh mẽ với khí thể nuốt trôi trâu).

Cùng một bài thơ chữ Hán nhưng có nhiều bản dịch thơ khác nhau, người làm công tác biên soạn sách có thể chọn bản nào, đó là quyền của họ. Nhưng trong nguyên tác, có tự (đồng âm, đồng dạng) mang nhiều nghĩa khác nhau, làm cho người đọc có thể hiểu ngữ cảnh đó trong tác phẩm theo cách này hoặc cách khác, như trường hợp trên, thì việc đưa thêm phần chú thích như sách *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 và *Thơ văn Lý Trần*, tập 2 là thiết thực. Nhưng sẽ thiết thực hơn nữa nếu trong các ấn phẩm đó có giới thiệu thêm một vài bản dịch thơ khác (nếu có), để độc giả thuận lợi hơn trong việc lựa chọn được bản dịch thơ tốt nhất, theo sự thẩm định của cá nhân.

Bài thứ 2 được chọn để khảo cứu là *Cảm hoài* của Đặng Dung. Bản phiên âm và dịch thơ in trong *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - thế kỉ XVII*, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội, 1976; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* Đinh Gia Khánh, NXB Giáo dục, 2000; *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978; *Việt Nam sử lược*, quyển 1, Trung tâm học liệu xuất bản năm 1971 và nguyên tác trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, tờ 23a, A.3162/1, những cứ liệu được dùng để đối chiếu trong bài viết này.

Việc phiên âm tác phẩm thơ chữ Hán không phải chỉ thực hiện đơn thuần thao tác chuyển mã từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ, vì đối với thơ văn chữ Hán cũ, chỉ điểm mỗi dấu chấm kết thúc văn bản (gọi là cú đậu, thuộc thượng, thuộc hạ), mà còn phải điểm thêm dấu câu. Tùy theo cảm nhận về nội dung của toàn tác phẩm cũng như ý của từng vế, từng câu trong văn bản mà cá nhân người phiên

dịch thêm dấu cho phù hợp. Việc này quả không đơn giản. Vì có một số dấu câu ngoài chức năng dùng để phân biệt thành phần trong câu, trong đoạn, còn là phương tiện để biểu thị ý nghĩa của câu, nên việc điểm dấu không thích hợp sẽ dẫn tới việc hiểu sai ý nghĩa của câu thơ. Ví dụ sau đây sẽ minh chứng điều đó.

Việc đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu mở đầu trong bản phiên âm bài *Cảm hoài* "Thế sự du du nại lão hà?" ở sách *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, là không hợp lí. Ở đây có sự khập khiễng giữa bản phiên âm và dịch thơ của một tác phẩm in trong cùng một ấn phẩm. Cuối câu thứ nhất trong bản dịch nghĩa cũng chấm dấu hỏi, có nghĩa đây là một câu hỏi "Việc đời dằng dặc mà ta đã già, biết làm thế nào?", nhưng trong bản dịch thơ, cuối câu thứ nhất được điểm dấu phẩy.

"Việc thế thôi thôi tuổi tác này,
Mênh mông trời đất hát và say".

Trong bản phiên âm in ở *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, 1976; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*; *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, đều in "Thế sự du du nại lão hà,". Theo chúng tôi, dùng dấu chấm than để đặt cuối câu này "Thế sự du du nại lão hà!", như trong *Việt Nam sử lược*, quyển 1, Trung tâm học liệu xuất bản năm 1971, in là hợp lí.

Về câu chữ có ở bản phiên âm bài này trong các sách kê trên tương đối giống nhau. Sở dĩ chúng tôi không nhận xét là hoàn toàn giống nhau, bởi vì câu thứ tư trong các sách *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1; *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 và *Thơ văn Lý - Trần*, tập 3, đều in: "Vân khứ anh hùng ẩm hận đa", có khác với bản phiên âm trong *Việt Nam sử lược*, quyển 1, "Sư khứ anh hùng ẩm hận đa". Câu này trong nguyên tác (trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, quyển 1, tờ 2b), có chép "事去英雄飲恨多- Sư khứ anh hùng ẩm hận

đa", trùng với bản phiên âm mà sách *Việt Nam sử lược*, quyển 1, đã in.

Mặc dù từ đứng đầu câu thứ 4 "vận 運" có nghĩa "vận số" (*Từ điển Hán Việt*, Nguyễn Văn Chánh; *Hán Việt tự điển*, Thiều Chửu) hay "事 sự" có nghĩa "việc, làm việc" (*Hán Việt tự điển*, Thiều Chửu); "việc người ta làm, sự nghiệp, việc tai biến" (*Từ điển Hán Việt*, Đào Duy Anh) nhưng trong các bản dịch thơ, các dịch giả đều giải mã giống nhau, như "Vận khứ" được Phan Võ dịch "lỡ vận" - "Lỡ vận anh hùng luống nuốt cay." (trích từ *Thơ văn Lý Trần*, tập 3), Vân Trình dịch "lỡ bước" - "Lỡ bước anh hùng dạ xót xa." (*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* tập 2); "sự khứ" trong bản phiên âm in ở *Việt Nam sử lược*, quyển 1, cũng được dịch "lỡ bước" - "Anh hùng lỡ

bước ngẫm càng cay". (trong ấn phẩm này không ghi rõ tác giả của bản dịch thơ). Căn cứ kết quả so sánh, có thể nhận thấy bản phiên âm bài này trong bốn cứ liệu chữ Quốc ngữ được chúng tôi dùng để đối chiếu có tình trạng đại đồng tiểu dị như đã trình bày trên.

Mỗi dịch giả cảm nhận bài này khác nhau nên dẫn đến việc giải mã nội dung của tác phẩm không giống nhau và một tác phẩm thơ chữ Hán có thể có những bản dịch khác nhau, đó là điều tất nhiên. Tuy vậy, thực tế cho thấy, bản dịch thơ cũng có dị bản. Nghĩa là cùng một tác giả dịch nhưng bản dịch thơ ở sách này lại có đôi chỗ khác với sách kia. Có tình trạng đó là do sự thiếu nghiêm túc của các nhà làm sách. Chúng tôi xin dẫn một số bản dịch thơ trong các sách sau:

In trong <i>Ngữ văn 10</i> (nâng cao), tập 1	In trong <i>Văn học trung đại Việt Nam</i> , tập 1	In trong <i>Văn học Việt Nam</i> (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)
Việc thể lỗi thời tuổi tác này, Mệnh mông trời đất hát và say. Gặp thời đồ điều thừa nên việc, Lỡ vận anh hùng luống nuốt cay. Giúp chúa những lăm <i>giảng</i> cốt đất, Rửa dòng không thể <i>vén</i> sông mây. Quốc thù chưa trả già sao vội, Dưới nguyệt mài gươm đã bấy <i>chầy</i> . (Phan Võ dịch, <i>Hợp tuyển thơ văn Việt Nam</i> , tập 2 - Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII, Sdd)	Việc <u>tính</u> chưa xong tuổi <u>vôi</u> già, Đất trời thu gọn tiệc ngâm nga. Gặp thời <u>đồ điều</u> thành công dễ, Lỡ bước anh hùng dạ xót xa. Giúp chúa những mong xoay trục đất, Rửa <u>bình</u> không lối kéo <i>Ngân Hà</i> . Bạc đầu thù nước còn chưa trả, Mấy độ mài gươm bóng nguyệt tà. (Vân Trình dịch)	Việc thể lỗi thời tuổi tác này, Mệnh mông trời đất hát và say. Gặp thời, đồ điều thừa nên việc, Lỡ vận, anh hùng luống nuốt cay. Giúp chúa những lăm <i>dựng</i> cốt đất, Rửa dòng không thể kéo sông mây. Quốc thù chưa trả già sao vội, Dưới nguyệt mài gươm đã bấy <i>chày</i> . (Vân Trình dịch, <i>Hợp tuyển thơ văn Việt Nam</i> , tập 2, in lần thứ 2, NXB Văn học, Hà Nội, 1976"

Ở các bản dịch thơ in trong *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1; *Văn học Việt Nam* (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII) và *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, có sự chấp vá, "lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia". Chúng tôi có cơ sở để khẳng định như vậy.

Thứ nhất: Trong *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1 và *Văn học Việt Nam* (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII), hai ấn phẩm này đều in bản dịch thơ của Vân Trình, nghĩa là bản dịch thơ trong hai sách này phải giống nhau hoàn toàn. Tuy nhiên, qua đối chiếu, chúng ta dễ

dàng thấy được bản dịch thơ in ở hai ấn phẩm này có sự khác biệt rất lớn.

Bản dịch thơ in ở *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, có nội dung tương đối trùng với bản dịch thơ được in ở cuốn *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2. Nói như vậy có nghĩa bản dịch thơ của hai sách nói trên cũng không hoàn toàn giống nhau (các trường hợp khác nhau được gạch chân ở câu 1, 3, 6 trong bản dịch thơ có ở *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* thế kỉ X - thế kỉ XVII, tập 2 và *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1). Để tiện theo dõi, chúng tôi xin trích bản dịch thơ bài *Cảm hoài* của Đặng

Dung in ở *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - thế kỉ XVII*, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội, 1976:

Việc lớn chưa xong tuổi đã già,
Đất trời thu gọn tiệc ngâm nga!
Gặp thời bần tiện thành công dễ,
Lỡ bước anh hùng dạ xót xa.
Giúp chúa những mong xoay trục đất,
Rửa đồng không lối kéo Ngân hà.
Bạc đầu thù nước còn chưa trả,
Mây độ mài gương bóng nguyệt tà.

(Vân Trình dịch)

So với bản dịch thơ của Vân Trình trích trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 thì chúng ta biết được bản dịch in trong *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* không phải của Vân Trình, như phần chú thích (trang 112) đã nêu, mà là của Phan Võ. Sở dĩ chúng tôi nhận định như vậy, vì bản dịch thơ in trong *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* tương đối giống bản dịch thơ của Phan Võ in ở *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1. Nói như thế, nghĩa là bản dịch thơ in trong hai sách nói trên cũng không hoàn toàn giống nhau (các trường hợp được in nghiêng ở câu 5, 6, 8 trong bản dịch thơ in ở *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* và sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập 1). Tầm trong sách *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, chúng tôi có thêm cơ sở để khẳng định bài dịch thơ trong *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* là của Phan Võ.

Thứ hai: Như đã nói trên, trong tập *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, in bản dịch thơ Phan Võ và trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, chọn in bản dịch thơ của Vân Trình. Vậy, ở sách giáo khoa *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, nguồn trích của bản dịch thơ (Phan Võ dịch, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 - *Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII, Sđd*) là sai.

Cáo tật thị chúng của Mãn Giác Thiền sư là tác phẩm khảo sát cuối cùng ở bài viết này. Chúng tôi căn cứ bản phiên âm và dịch thơ in trong *Ngữ văn 10 (nâng cao), tập 1*; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*;

Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - thế kỉ XVII, tập 2; *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1977, và có so với nguyên tác trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, tờ 2a, A.3162/1.

So với *Thuật hoài* và *Cảm hoài* thì bản phiên âm bài *Cáo tật thị chúng* in ở các tài liệu mà chúng tôi dùng để đối chiếu có sự thống nhất hơn cả.

Khi so với *Hoàng Việt thi tuyển*, quyển 1, chỉ có trường hợp trật tự các từ được gạch chân trong câu thứ 3 "Sự trực nhân tiền quá" và câu thứ 5 "Mạc vị xuân tàn hoa lạc tân" ở bản phiên âm trong *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1; *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1; *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*; *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, có khác so với trong văn bản chữ Hán (trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, quyển 1).

事逐前眼過 (Sự trực tiền nhân quá)

莫謂春殘花盡落 (Mạc vị xuân tàn
hoa tân lạc)

Ở bản phiên âm, hai câu đầu trong nguyên tác và bản phiên âm ở các sách nêu trên đều giống nhau:

"春去百花落 (Xuân khứ bách hoa lạc)

春到百花开" (Xuân tiền bách hoa khai)

Nhưng ở bản dịch thơ trong các sách lại khác nhau. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, in "Xuân qua, trăm hoa rụng, Xuân tới, trăm hoa tươi"; *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, in: "Xuân ruổi, trăm hoa rụng, Xuân tới, trăm hoa cười" (theo *Ngô Tất Tố*); Trong *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, cũng chọn bản dịch thơ của *Ngô Tất Tố* nhưng câu 1 "Xuân đi, trăm hoa rụng," điểm này có lệch so với trong bản dịch thơ in ở *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1; Câu thứ 2 trong bản dịch thơ ở *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*: "Xuân tới, trăm hoa cười".

Theo chúng tôi, mặc dù cuối câu 2 ở các bản dịch thơ có sự khác nhau, là "nở", "cười" hay "tươi", các từ được chuyển mã đó đều đúng. Vì "khai 開" trong *Hán Việt tự điển*, Thiều Chửu; *Từ điển Hán Việt*, Nguyễn Văn Chánh, có nghĩa "nở, nở ra". Đối với bản dịch thơ, "khai" có nghĩa là "nở", thì đây là kết quả của sự chuyển mã ngôn ngữ. Còn với các bản dịch thơ, "khai" có nghĩa là "cười" hoặc "tươi", thì đây là kết quả của sự chuyển mã siêu ngôn ngữ, mã nghệ thuật.

Qua đối chiếu, chúng ta có thể biết được bài dịch thơ trong sách *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1 được lấy từ nguồn *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* (Theo *Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII, Sđd*). Thế nhưng ở câu cuối trong sách giáo khoa trên in "Đêm qua sân trước một cành mai", có khác so với nguồn trích: "Đêm qua sân trước nở cành mai".

3. Kết luận

Nhờ đối chiếu bản phiên âm ba bài: *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), *Cảm hoài* (Đặng Dung); *Cáo tật thị chúng* (Mãn Giác thiền sư) với nguyên tác chữ Hán, và so giữa bản dịch thơ của từng tác phẩm được chọn in trong sách giáo khoa với nguồn trích, chúng ta có thể biết tình hình các bản phiên âm và bản dịch thơ in trong các ấn phẩm hiện hành.

Do công tác văn bản học của ta còn hạn chế, trình độ in ấn thời xưa còn thấp, có nhiều khi chép sai, in sai nên việc sưu tầm còn vấp phải chuyện tam sao thất bản. Vì vậy, trường hợp một tác phẩm văn thơ chữ Hán nhưng có nhiều dị bản là thực trạng không thể tránh khỏi. Với tình hình đó, ngoài phần phiên âm, các nhà làm sách phải ghi rõ trích dẫn xuất xứ. Ví dụ: *Cảm hoài* (trích từ *Hoàng Việt thi tuyển*, quyển 1, tờ 23a; *Thuật hoài* (trong *Hoàng Việt thi tuyển*, quyển 1, tờ 3a) ... và phần dị khảo (nếu có), để người đọc thuận lợi hơn trong việc xác định văn bản (thẩm tra văn bản thuộc mức độ nào, văn bản chính hay văn

bản chép truyền, mức độ sai lệch) cũng như đánh giá được mức độ chính xác của bản hiện hành trong ấn phẩm.

Và việc lựa chọn bản dịch nào đưa vào sách thuộc quyền của những người biên soạn sách. Ở đây, chúng tôi không bàn luận bản dịch nào được chọn đưa vào sách là hay hoặc dở. Nhưng để tránh võ đoán, thiết nghĩ, ngoài việc chọn bản dịch tốt (theo ý của người biên soạn) cần phải đưa thêm một số bản dịch khác, được dùng trong các giáo trình, sách giáo khoa khác vào ấn phẩm để người đọc có thể tham khảo, nghiên cứu các bản dịch một cách hệ thống.

Vì các bài thơ chữ Hán được chọn để khảo sát trong bài viết này có ở chương trình *Ngữ văn 10* và chương trình văn học trung đại Việt Nam bậc cao đẳng, đại học, nên số lượng người đọc, là học sinh, sinh viên và những đối tượng khác, rất đông. Thế nhưng việc thể hiện tác phẩm trong các ấn phẩm còn thiếu sự nghiêm túc. Có sự khác nhau ít nhiều về câu chữ, trật tự từ, dấu câu giữa các bản phiên âm hay giữa các bản dịch thơ. Với tình hình như vậy, qua đây, chúng tôi hi vọng, việc chỉnh lí toàn bộ những sai sót có trong các văn bản in ở các sách, đặc biệt ở sách giáo khoa, giáo trình sớm hoàn thiện.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán Việt*, NXB KHXH, 2001.
2. Nguyễn Văn Chánh, *Từ điển Hán Việt*, NXB Trẻ, 2005.
3. Thiều Chửu, *Hán Việt tự điển*, NXB TP. HCM, 1997.
4. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương, *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - thế kỉ XVIII)*, NXB Giáo dục, 2000.
5. *Hoàng Việt thi tuyển*, số A.3162/1.
6. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - thế kỉ XVII*, tập 2, NBX Văn học, Hà Nội, 1976.
7. Nguyễn Đăng Na (chủ biên), Lã Nhâm Thìn, Đinh Thị Khang, *Văn học trung đại Việt*

Nam, tập 1, Dự án đào tạo giáo viên THCS, NXB ĐHSP, 2007.

8. *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, NXB Giáo dục, 2007.

9. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, quyển 1, Trung tâm học liệu xuất bản, 1971.10. *Thơ văn*

Lý Trần, tập 1, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1977.

11. *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1989.

13. *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1978.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-09-2009)

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KHAI THÁC PHẦN MỞ VÀ KẾT VĂN BẢN TRONG DẠY ĐỌC HIỂU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN Ở BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRỊNH THỊ LAN

(ThS, Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. Trong văn bản có một số yếu tố hình thức có khả năng biểu thị nội dung của văn bản như: tên văn bản, phần mở, phần kết của văn bản, hệ thống từ ngữ chủ đề (từ khóa), kiểu cấu trúc lặp lại, các câu chủ đề của đoạn, các tiêu mục, mục lục... Chúng được gọi là các vị trí mạnh của văn bản. Với mỗi thể loại văn bản, từng vị trí mạnh có vai trò và ý nghĩa khác nhau trong việc biểu đạt những khía cạnh nội dung của văn bản. Bài viết này xin tập trung bàn về hai “vị trí mạnh” của văn bản là phần mở, phần kết của văn bản và cách thức khai thác chúng trong quá trình dạy đọc hiểu một loại văn bản cụ thể: truyện kể dân gian.

2. Phần mở của văn bản và cách thức khai thác phần mở trong dạy đọc hiểu truyện kể dân gian

Yêu cầu đối với phần mở của văn bản tùy thuộc vào kiểu loại văn bản và đặc điểm khuôn hình của nó. Đối với những văn bản có khuôn hình thông dụng, nhìn chung, phần mở có thể có các yếu tố nội dung: nêu đề tài - chủ đề; nêu khung cảnh chung của đề tài - chủ đề; giới hạn nội dung được đề cập đối với đề tài - chủ đề như: phương

diện xem xét, cách tiếp cận, mục đích của văn bản... Đối với loại văn bản có khuôn hình tự do, phần mở được xác lập tùy thuộc vào thói quen hoặc ý đồ viết văn bản của người viết. Trong văn bản tự sự, người viết trình bày một chuỗi các sự việc về một nhân vật nào đó. Cho nên, ở phần mở, người viết có thể dành để giới thiệu về lai lịch, nguồn gốc nhân vật đó, cũng có thể trình bày luôn vào sự việc thứ nhất mang tính chất mở đầu trong chuỗi sự việc. Phần mở trong văn bản có khuôn hình tùy chọn có thể được mở rộng, cũng có thể được rút gọn nhằm tạo ra giá trị tu từ cho văn bản. Đôi khi trong phần mở của văn bản có khuôn hình tùy chọn, người viết phát biểu thẳng chủ đề của văn bản, phần văn bản còn lại mang tính chất minh họa cho chủ đề đã nêu mà thôi [1].

Việc nhận diện được chủ đề trong văn bản được coi rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với cả quá trình đọc hiểu văn bản bởi việc hiểu chỉ có thể được coi là đúng hướng khi người đọc đã nhận diện và nắm bắt được chủ đề. Hơn nữa, việc nhận diện chủ đề sẽ là tiền đề quan trọng để xác